

	<p>Bài 3. Biểu thức có chứa 2 chữ.</p> <p>b. BT phát triển. Bài 4.</p>	<p>320 giây = ...phút... giây 500 giây = ... phút... giây</p> <p>Viết biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức đó. a) Tổng của a và b chia cho c, với $a = 4765$, $b = 2030$, $c = 5$. b) m nhân với hiệu của n và p, với $m = 8$, $n = 9271$, $p = 3465$.</p> <p>Trong một phép trừ, nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu của chúng bằng 127, còn nếu giữ nguyên số bị trừ và gấp số trừ lên 3 lần thì được hiệu bằng 51. Tìm số bị trừ, số trừ.</p>	<p>250 giây = 4 phút 10 giây 320 giây = 5 phút 20 giây 500 giây = 8 phút 20 giây</p> <p>- 2 HS lên bảng. a) Nếu $a = 4765$, $b = 2030$, $c = 5$ thì $(a + b) : c$ $= (4765 + 2030) : 5$ $= 6795 : 5$ $= 1359$ b) Nếu $m = 8$, $n = 9271$, $p = 3465$ thì $m \times (n - p) =$ $8 \times (9271 - 3465)$ $= 8 \times 5806$ $= 46\,448$</p> <p>- Đọc đề bài. - Thảo luận nhóm 2. - HS lên bảng chữa bài. - Nhận xét.</p> <p style="text-align: center;"><u>BL</u></p> <p>Nếu giảm số bị trừ đi 14 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu sẽ giảm đi 14 đơn vị. Vậy hiệu ban đầu là: $127 + 14 = 141$ Nếu giữ nguyên số bị trừ và gấp số trừ lên 3 lần thì hiệu sẽ giảm đi một số bằng 2 lần số trừ. 2 lần số trừ là: $141 - 51 = 90$ Số trừ là: $90 : 2 = 45$ Số bị trừ là:</p>
--	---	--	--

5'	3. Hoạt động 3 Củng cố - dặn dò.	- GV nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà ôn bài.	141 + 45 = 186 ĐS.....
----	---	--	---------------------------

HƯỚNG DẪN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- * Hoàn thành các bài tập trong ngày.
- * Củng cố về:
 - Cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam.
 - Danh từ.
 - Từ ghép và từ láy.

2. Kỹ năng:

- Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng một số tên riêng Việt Nam, tìm và viết đúng một số tên riêng Việt Nam.
- Tìm đúng danh từ trong đoạn văn.

3. Thái độ:

- HS yêu thích môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG:

- Phân màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Tg	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
12'	1. Hoạt động 1 Hoàn thành các bài tập buổi sáng.	+ Sáng thứ ba em có những môn học nào? - GV hỏi có những HS nào chưa hoàn thành từng môn buổi sáng.	+ HS nêu. - HS giơ tay theo từng môn. - HS tự hoàn thành nốt các bài tập buổi sáng.

23	<p>2. Hoạt động 2 <u>BT củng cố.</u> Bài 1. Củng cố danh từ.</p> <p>Bài 2.</p> <p>Bài 3.</p>	<p>- Cho HS hoàn thành nốt các bài tập buổi sáng.</p> <p>Gạch dưới các danh từ có trong đoạn văn sau: <i>Trong những năm đi đánh giặc, nổi nhớ đất đai, nhà cửa, ruộng vườn thỉnh thoảng lại cháy lên trong lòng anh. Đó là những buổi trưa Trường Sơn vắng lặng, bỗng vang lên một tiếng gà gáy, những buổi hành quân bắt chợt gặp một đàn bò rừng nhón như gặm cỏ. Những lúc ấy, lòng anh lại cồn cào, xao xuyến.</i></p> <p>Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp: <i>tự tin, tự kiêu, tự hào, tự ái, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ.</i></p> <p>Ghi lại 6 danh từ chỉ khái niệm có trong 4 câu sau: a) Âm mưu của bọn cướp đã bị phá tan. b) Hình ảnh mẹ luôn ở trong tâm trí em. c) Lòng em tràn ngập niềm</p>	<p>- Cả lớp làm bài vào vở, sau đó lên bảng chữa bài. - Nhận xét. <i>Trong những năm đi đánh giặc, nổi nhớ đất đai, nhà cửa, ruộng vườn thỉnh thoảng lại cháy lên trong lòng anh. Đó là những buổi trưa Trường Sơn vắng lặng, bỗng vang lên một tiếng gà gáy, những buổi hành quân bắt chợt gặp một đàn bò rừng nhón như gặm cỏ. Những lúc ấy, lòng anh lại cồn cào, xao xuyến.</i></p> <p>- Cả lớp làm vở. 1 HS làm bảng nhóm.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 10px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">a) Hành động, tính chất tốt.</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">b) Hành động, tính chất xấu</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><i>Tự tin, tự hào, tự chủ, tự lập, tự giác, tự vệ.</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ.</i></td> </tr> </table> <p>- 6 danh từ chỉ khái niệm trong 4 câu trên là: a) âm mưu b) hình ảnh, tâm trí c) lòng, niềm hạnh phúc. d) khó khăn.</p>	a) Hành động, tính chất tốt.	b) Hành động, tính chất xấu	<i>Tự tin, tự hào, tự chủ, tự lập, tự giác, tự vệ.</i>	<i>Tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ.</i>
a) Hành động, tính chất tốt.	b) Hành động, tính chất xấu						
<i>Tự tin, tự hào, tự chủ, tự lập, tự giác, tự vệ.</i>	<i>Tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ.</i>						

5'	3. Hoạt động 3 <i>Củng cố - dặn dò.</i>	hạnh phúc. d) Chúng ta phải vượt qua mọi khó khăn. - GV nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà ôn bài.	
-----------	--	---	--

Rút kinh nghiệm tiết dạy:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....